

Số: 63/QĐ-MNNL

Quỳ Nhắ, ngày 28 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai các điều kiện giáo dục cuối năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA LỢI

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông báo công khai các điều kiện giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Điều 2. Hình thức và thời điểm công khai.

Niêm yết Công khai tại nhà trường ở 3 địa điểm: Văn phòng nhà trường; Bản tin của nhà trường (cổng trường) và trên Website (<http://mnngghialoi.ninhbinh.edu.vn/cac-hoat-dong/cong-khai-theo-thong-tu-36>) nhà trường.

Thời gian công khai từ ngày 28/5/2026 đến hết ngày 28/6/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng trường, các tổ trưởng chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường Mầm non Nghĩa Lợi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Hòa

QuỠ Nhắ, ngày 28 tháng 5 năm 2026

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai đối với trường Mầm non Nghĩa Lợi
cuối năm học 2025 - 2026

Vào hồi 8 giờ 00 ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trường Mầm non Nghĩa Lợi tiến hành niêm yết các biểu về công khai đối với trường Mầm non Nghĩa Lợi năm học 2025- 2026.

I. THÀNH PHẦN GỒM CỐ

- Đại diện BGH:

Bà: Trần Thị Hòa – Hiệu trưởng

Bà: Trần Thị Thủy - Phó hiệu trưởng

Bà: Trần Thị Oanh - Phó hiệu trưởng

Bà Phạm Thị Oanh- Tổ trưởng chuyên môn tổ Nhà trẻ

Bà: Trần Thị Nhung – Thư ký

- Đại diện CMHS: Vũ Thị Thu- Ban đại diện cha mẹ học sinh.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC
TRƯỜNG MẦM NON NGHĨA LỢI NĂM HỌC 2025-2026

1. Thông tin chung của nhà trường

- Tên trường, địa chỉ, loại hình.

- Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu, quá trình hình thành và phát triển.

- Thông tin người đại diện pháp luật, tổ chức bộ máy.

- Các văn bản khác: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; quy chế nội bộ khác (Nội quy Quy chế làm việc, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản...).

2. Thu, chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

+ Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

+ Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (trợ cấp, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: Học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của nhà trường trước khi tuyển sinh.

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với trẻ.

- Số dư các quỹ theo quy định.

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQLGVNV):

+ Số lượng CBQL, GV, NV theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

+ Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp.

+ Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV, NV hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Thông tin về cơ sở vật chất:

+ Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

+ Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

+ Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học;
- + Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
- + Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
- + Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội;
- + Thực đơn hằng ngày của trẻ em;
- + Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).
- Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học trước: Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp; Số trẻ học 02 buổi/ngày; Số trẻ được tổ chức ăn bán trú; Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ; Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; Số trẻ em khuyết tật.

III. HÌNH THỨC

- Công khai qua Hội nghị NGCBQLGDNLĐ, qua các cuộc họp của nhà trường, họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, họp CMHS toàn trường, văn bản niêm yết tại phòng Hội đồng, báo cáo với cấp trên, phát tài liệu.

- Đăng trên Website: <http://mnnghialoi.ninhbinh.edu.vn/cac-hoat-dong/cong-khai-theo-thong-tu-36> của nhà trường...

IV. THỜI GIAN NIÊM YẾT

- Trên Website: Kể từ ngày 28/5/2026

- Từ ngày 28/5/2026 đến ngày 28/6/2026

Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

THƯ KÝ

Trần Thị Nhung

ĐẠI DIỆN CMHS

Vũ Thị Thu

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
TRƯỜNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Hòa

Quỹ Nhất, ngày 28 tháng 5 năm 2026

NỘI DUNG VÀ BIỂU MẪU CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường Mầm non Nghĩa Lợi công khai hoạt động của nhà trường.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường Mầm non Nghĩa Lợi
- Địa chỉ trụ sở:** Xóm 3, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình.
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:** Cơ sở giáo dục công lập – xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

* Sứ mệnh:

Sứ mệnh của Mầm non Nghĩa Lợi là xây dựng môi trường học tập, rèn luyện “Hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm”. Trẻ em được: “Học tập sáng tạo- Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Học bằng chơi, chơi mà học” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những người công dân tốt.

* Tầm nhìn

Trường Mầm non Nghĩa Lợi xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ trẻ luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến. Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia mức độ I bền vững về chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

* Mục tiêu

- Trẻ phát huy tính tự lập và tự học;
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân;
- Trẻ hình thành tính tự kỉ luật cho bản thân;
- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh;
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.;
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Nghĩa Lợi được thành lập theo Quyết định số 516025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Quý Nhất về việc thay đổi tên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã Quý Nhất quản lý. Nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của UBND xã, sự quan tâm của Đảng uỷ, UBND, các ban ngành trong xã Quý Nhất, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của Hội cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao trường MN Nghĩa Lợi đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được mở rộng và giữ vững, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường ngày càng được khẳng định. Nhà trường luôn đi đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, an toàn, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư đầy đủ: phòng học, phòng chức năng, với trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đạt chuẩn. Môi trường trong và ngoài lớp an toàn cho trẻ vui chơi, học tập, trải nghiệm, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay là lấy trẻ làm trung tâm.

Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ I; KĐCL mức độ II; chuẩn Xanh-sạch-đẹp-an toàn tháng 8/2022.

Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ đáp ứng các tiêu chí về chất lượng giáo dục toàn diện và không ngừng đổi mới phương pháp giáo dục để phát huy khả năng tư duy sáng tạo của trẻ.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Trần Thị Hoà

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Nghĩa Lợi. Số điện thoại: 0972906506

Địa chỉ gmail: mamnonnghialoi@gmail.com

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của Trường Mầm non Nghĩa Lợi năm 2025

a. Các khoản thu

- Ngân sách nhà nước nguồn được giao tự chủ: 5.538.284.000 đồng
- Ngân sách nhà nước nguồn không được giao tự chủ: 266.030.000 đồng

b. Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương năm 2025 (27 người): 5.018.389.610 đồng (Trong đó nguồn NSNN: 4.879.805.610 đồng, nguồn học phí: 138.584.000 đồng)
- Tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP: 266.030.000 đồng.
- Chi các hoạt động thường xuyên năm 2025: 381.280.390 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Kinh phí cấp bù học phí năm học 2024-2025: 78.165.000 đồng

Kinh phí cấp bù học phí học kì I năm học 2025-2026: 166.400.000 đồng

Hỗ trợ tiền ăn trưa năm học 2024-2025: 4.320.000 đồng

Hỗ trợ tiền ăn trưa học kì I năm học 2025-2026: 1.920.000 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: 0

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34			14	14	3	3
I	Giáo viên	23			11	12	0	
1	Nhà trẻ	7			3	4	0	
2	Mẫu giáo	16			8	8		
II	Cán bộ quản lý	3			2	1		
1	Hiệu trưởng	0			1			

2	Phó hiệu trưởng	2			1	1		
III	Nhân viên	8			1	1	3	3
1	Nhân viên kế toán	1			1			
2	Nhân viên nấu ăn	5				1	3	1
3	Bảo vệ	2						2

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	25	14	10	1	
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	22	11	10	1	
1	Nhà trẻ	6	2	3	1	
2	Mẫu giáo	16	9	7		
Tổng cộng		25	14	10	1	
Tỷ lệ %			56%	40%	4%	

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	25	25	
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	
II	Giáo viên	22	22	
1	Nhà trẻ	6	6	
2	Mẫu giáo	16	16	
Tổng cộng		25	25	
Tỷ lệ %		100	100	

2. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường 4.810m².
- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 16,5m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
16,5m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	10 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng ¹	12 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Văn phòng trường	42 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Phòng cho nhân viên	6 m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	16m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	Chưa đạt
5	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	100m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	50m ² /Phòng		
	Khu sinh hoạt chung	1,6 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt

	Khu ngủ	1,6 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Diện tích sân chơi (m ²)	0,50m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Kho nhóm, lớp	6 m ²	6m ²	Đạt
2	Sân chơi riêng	500m ² =1,7m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	88m ² =0,30m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Đạt
	Kho thực phẩm	10m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			

3. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

3.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			18-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em						
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	310	34	53	53	95	79
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	1					1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	310	34	53	53	95	79
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	310	34	53	53	95	79
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	310	34	53	53	95	79
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em						
1	Số trẻ cân nặng bình thường	306	30	53	50	95	78
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân		0	0	3	0	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	305	30	53	48	95	78
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	5	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì						
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	306	30	53	50	95	78

1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	83	30	53			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	227			53	95	79

Nơi nhận:

BGH (để triển khai);

Các tổ CM (để thực hiện);

Lưu: CM, VT.

HIỆU TRƯỞNG**Trần Thị Hoà**